TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hảo

2. Bà Tạ Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐ ST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Nhà trọ Bích Tuyền, phòng số 18, khu phố X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồi S, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Ph có mặt, ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/9/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông S; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Đặng Cẩm T sinh ngày 11/10/2012; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên ông S không có thể hiện ý kiến.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà và ông S sau thời gian tìm hiểu nhau hơn 1 năm thì tiến tới hôn nhân, lễ cưới được tổ chức năm 2012 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, tỉnh Đăk Nông ngày 29/8/2012. Sau khi cưới vợ chồng bà sống ở Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh để đi làm khoảng 02 năm, đến năm 2014 hai vợ chồng chuyển về huyện L, tỉnh Long An sống và đi làm ở đó còn con chung thì gửi cho mẹ ruột của bà ở quê xã Đ1, huyện K, tỉnh Đăk Nông để chăm sóc.

Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2016 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông S thường xuyên uống rượu lại ham chơi game, gây nợ nần, ông S không chăm lo cuộc sống gia đình; Đến khoảng cuối năm 2017, ông S tự bỏ về xã B, huyện V sinh sống còn bà thì vẫn ở huyện L, mỗi khi bên gia đình ông S có đám tiệc thì bà có về và được bên gia đình chồng khuyên bảo thì bà và ông S về huyện L chung sống lại với nhau nhưng ông S vẫn không thay đổi và chỉ được khoảng 02 tháng, đến tháng 3/2019 thì ông S bỏ bà trở về xã B cho đến nay, hai bên không có liên lạc với nhau. Cuộc sống không hạnh phúc đã nhiều năm, nay bà cũng không còn tình cảm với ông S nên quyết định ly hôn.

Bà và ông S có một con chung tên Nguyễn Đặng Cẩm T sinh ngày 11/10/2012, con đang sống với bà, nhưng do bà đi làm nên gửi con cho mẹ ruột ở xã Đ1, huyện K, tỉnh Đăk Nông, vì từ trước đến nay cháu đều được gửi tại nhà mẹ ruột của bà. Hàng tháng bà có gửi tiền về cho mẹ của bà để lo cho con. Trong quá trình ly thân ông S không có gửi tiền để phụ lo cho con. Hiện nay, bà làm công nhân ở huyện L, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông S và yêu cầu nuôi con chung, ông S có nơi cư trú tại ấp Đ, xã B, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông S đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà Ph và ông S là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện K, tỉnh Đăk Nông vào năm 2012 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Ph xác định vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn không giải quyết được cho đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, ông S còn nghiện game rồi gây nợ; Từ tháng 3 năm 2019 thì ông S bỏ bà Ph mà về xã B sinh sống, từ đó bà và ông S không thể hiện được quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau; Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông S nhưng ông S không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, như vậy ông S đã không quan tâm đến việc bà Ph yêu cầu ly hôn, có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà Ph tự định đoạt. Tại phiên tòa bà Ph cũng xác định đã không còn tình cảm với ông S và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Ph và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Đặng Cẩm T, sinh ngày 11/10/2012 đã đủ 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Ph và bà Ph có việc làm ổn định và mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung; Theo giấy xác nhận ngày 23/9/2019 thì con chung đang học lớp 2 trường tiểu học Nguyễn Văn Bé, xã Đ1, huyện K, tỉnh Đăk Nông và được mẹ của bà Ph chăm sóc, như vậy lời trình bày của bà Ph về việc từ trước đến nay con chung đang sống chung với gia đình bà Ph và từ khi ly thân đến nay ông S không thăm con, cũng không lo gì cho con là có căn cứ; Ông S không có yêu cầu nuôi con chung và cũng không có ý kiến tranh chấp với bà Ph. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Ph, giao con chung tên Nguyễn Đặng Cẩm T cho bà Ph trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà Ph không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Ph không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này còn ông S cũng không có ý kiến hay tranh chấp vì

vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của bà Ph.

[6] Về án phí: Do bà Ph có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà Ph không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của bà Đặng Thị Ph.

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Hồi S.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Cẩm T (giới tính nữ), sinh ngày 11/10/2012 cho bà Đặng Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Đặng Thị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Đặng Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Đặng Thị Ph đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 18/9/2019 theo biên lai thu tiền số 0004615 sang tiền án phí.

Báo cho bà Ph biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND/x Đ1, K, Đăk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu